

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (thực hiện điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Xét Tờ trình số 439/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Nghị quyết quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (thực hiện điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô); Báo cáo thẩm tra số 137/BC-BKTNS ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo giải trình số 435/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô về việc sử dụng tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Thủ đô, bao gồm các nội dung sau:

a) Nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của

Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

b) Biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ tài sản trong quá trình sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Tài sản công quy định tại Nghị quyết này là các tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, được Nhà nước giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công) bao gồm: đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; đơn vị sự nghiệp công thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố là đơn vị dự toán cấp I; đơn vị sự nghiệp công thuộc quận, huyện, thị xã.

2. Sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được xác định là việc:

a) Sử dụng tài sản công phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để cung cấp dịch vụ cho các đối tượng không phải là đối tượng được cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị và thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này. Việc xác định tài sản công phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để cung cấp dịch vụ cho cả đối tượng được cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị và các đối tượng không phải là đối tượng được cung cấp dịch vụ công của đơn vị hoặc chỉ để cung cấp dịch vụ cho đối tượng không phải là đối tượng được cung cấp dịch vụ công của đơn vị. Việc xác định tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp

cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao.

2. Thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước không cấp kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản công chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công trong trường hợp này được sử dụng từ nguồn thu được từ việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công hoặc theo thỏa thuận tại Hợp đồng (nếu có).

5. Trường hợp tài sản được tính thành vốn góp khi liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật, việc xác định giá trị tài sản phải bảo đảm các nguyên tắc quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trường hợp liên doanh, liên kết hình thành pháp nhân mới, đơn vị sự nghiệp công phải đảm bảo nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong pháp nhân mới.

6. Việc sử dụng tài sản gắn liền với đất và giá trị quyền sử dụng đất tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Điều kiện sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Phải có Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết này quyết định.

2. Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoạt động cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công.

3. Tài sản công khi kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được sử dụng đúng công năng, mục đích sử dụng của tài sản được giao, đầu tư, xây dựng, mua

sắm. Không làm thay đổi kết cấu, kiến trúc, nguyên trạng tài sản công (trừ trường hợp đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản; phần giá trị tài sản đầu tư thêm thuộc về đơn vị có tài sản sau khi hết thời hạn kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; Nhà nước không bồi hoàn phần giá trị đầu tư thêm); không làm mất quyền sử dụng đất của đơn vị, quyền sở hữu về tài sản công.

4. Không vi phạm các điều cấm của luật.

Điều 6. Các trường hợp và hình thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công và trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng tài sản công để cung cấp các dịch vụ cho các hoạt động công nghệ cao, cung cấp thiết bị dùng chung, cung cấp không gian làm việc, nghiên cứu, ươm tạo, thử nghiệm và trình diễn công nghệ để hỗ trợ các hoạt động công nghệ cao, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

b) Các trường hợp được quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các hình thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

a) Sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh; trong đó đơn vị sự nghiệp công trực tiếp sử dụng tài sản công để thực hiện hoạt động kinh doanh, tạo ra doanh thu;

b) Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê; trong đó đơn vị sự nghiệp công cho tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng tài sản của mình trong một khoảng thời gian nhất định và nhận lại tiền thuê;

c) Sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết; trong đó đơn vị sự nghiệp công hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh để tăng cường hiệu quả sử dụng tài sản công, hiệu quả kinh doanh; bao gồm các hình thức sau đây:

Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên sử dụng tài sản của mình để thực hiện liên doanh, liên kết và tự quản lý, sử dụng tài sản của mình, tự bảo đảm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và được chia kết quả từ hoạt động liên doanh, liên kết theo hợp đồng;

Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết; các tài sản này được các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng kiểm soát việc quản lý, sử dụng; được chia kết quả từ hoạt động liên doanh, liên kết theo hợp đồng;

Hình thức liên doanh, liên kết hình thành pháp nhân mới, các bên tham gia liên doanh, liên kết cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản sử dụng cho mục đích liên doanh, liên kết; pháp nhân mới có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Hợp đồng liên doanh, liên kết.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, LẤY Ý KIẾN, QUYẾT ĐỊNH ĐỀ ÁN SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀO MỤC ĐÍCH KINH DOANH, CHO THUÊ, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Điều 7. Lập Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Đơn vị sự nghiệp công sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết có trách nhiệm lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Nội dung Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết bao gồm các nội dung sau đây:

1. Cơ sở đề xuất, thực hiện Đề án; mục tiêu thực hiện Đề án.
2. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị; thực trạng sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết tại đơn vị (nếu có).
3. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

a) Sự cần thiết của việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nêu rõ trường hợp áp dụng theo quy định tại Điều 6; khả năng đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao khi sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết,...);

b) Tài sản dự kiến sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết: Tên tài sản, chủng loại, năm đưa vào sử dụng, thông số của tài sản (chiều rộng/chiều dài/diện tích...), số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại; phân giá trị tài sản trực tiếp sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nguyên giá, giá trị còn lại);

c) Thời gian thực hiện kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

d) Hình thức/phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh

doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết, trong đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân mới);

đ) Phương án tài chính của việc kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết: Dự kiến tổng doanh thu, tổng chi phí; chênh lệch doanh thu, chi phí; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

e) Phương án sử dụng lao động tại đơn vị sự nghiệp công khi sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

g) Phương án bảo đảm nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết (đối với Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết);

4. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

5. Việc đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này.

6. Điều kiện của đối tác tham gia liên doanh, liên kết (đối với Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết).

7. Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời gian liên doanh, liên kết hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn (đối với Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết).

8. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan liên quan.

9. Thời gian Đề án có hiệu lực.

10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 9. Quyết định Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Thẩm quyền quyết định Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

Hội đồng quản lý đơn vị sự nghiệp công hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công đối với nơi không tổ chức Hội đồng quản lý quyết định Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công là cơ sở giáo dục thì Hội đồng trường, hoặc Hội đồng đại học thực hiện thẩm quyền của Hội đồng quản lý quy định tại Điều này.

2. Nội dung chủ yếu của Quyết định Đề án gồm:

a) Tên đơn vị sự nghiệp công sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh,

cho thuê, liên doanh, liên kết;

b) Danh mục tài sản được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (tên tài sản; loại tài sản; năm đưa vào sử dụng; thông số của tài sản (số lượng/diện tích/chiều rộng/chiều dài/...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản;

c) Phương thức thực hiện kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

d) Điều kiện của doanh nghiệp tham gia liên doanh, liên kết (đối với đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết);

đ) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

e) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan liên quan;

g) Thời gian Đề án có hiệu lực;

h) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định Đề án:

a) Đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm lập Đề án theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này; tổ chức lấy ý kiến tập thể lãnh đạo đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị về các nội dung của Đề án.

b) Trên cơ sở ý kiến của tập thể lãnh đạo và viên chức, người lao động, đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm hoàn thiện Đề án, trong đó báo cáo rõ các nội dung tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; báo cáo Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công đối với nơi không tổ chức Hội đồng quản lý xem xét, quyết định Đề án.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Đề án được quyết định, đơn vị sự nghiệp công phải gửi Quyết định và Đề án được phê duyệt cho cơ quan quản lý cấp trên và công bố công khai tại trụ sở đơn vị, Trang thông tin của đơn vị (nếu có), thời gian công khai ít nhất là 30 ngày.

2. Sau khi Đề án được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: việc tổ chức kinh doanh; việc tổ chức cho thuê (việc xác định hình thức cho thuê tài sản; giá cho thuê tài sản; việc đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản cho thuê; việc gia hạn thời gian cho thuê); việc tổ chức thực hiện liên doanh, liên kết (việc xác định giá trị tài sản công sử dụng vào liên doanh, liên kết; việc tổ chức lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết; việc xác định hình thức sử

dụng tài sản công để liên doanh, liên kết; việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tham gia liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công và tài sản được hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết) và các nội dung khác liên quan tổ chức thực hiện Đề án.

3. Việc cho thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công; việc liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công phải được lập thành Hợp đồng theo quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng ký kết giữa đơn vị sự nghiệp công và đối tác phải đảm bảo các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 11 Nghị quyết này, nội dung Đề án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng được ký kết, đơn vị sự nghiệp công phải gửi bản sao Hợp đồng đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) cho cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, giám sát.

Điều 11. Nội dung chủ yếu trong hợp đồng

1. Hợp đồng cho thuê tài sản công cần bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thông tin các bên: Tên, địa chỉ, số điện thoại, đại diện (nếu là tổ chức);
b) Thông tin về tài sản: Đặc điểm, tình trạng, số lượng, địa điểm của tài sản công cho thuê;

c) Thời gian cho thuê;

d) Giá thuê và phương thức thanh toán;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, bảo hiểm tài sản; yêu cầu kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo vệ, giữ gìn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; xử lý trong trường hợp phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng;

g) Điều chỉnh hợp đồng: Các trường hợp được phép điều chỉnh nội dung, giá trị của hợp đồng và việc xử lý vấn đề liên quan.

h) Chấm dứt hợp đồng: Ngoài chấm dứt hợp đồng theo thời hạn, quy định các trường hợp có thể dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng trước hạn, chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận, đơn phương chấm dứt hợp đồng và việc xử lý các vấn đề liên quan;

i) Xử lý trong các trường hợp bất khả kháng, trường hợp Nhà nước thu hồi đất (gắn với tài sản cho thuê) trong thời gian thực hiện hợp đồng; trường hợp phải thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

k) Xử lý vi phạm hợp đồng;

l) Giải quyết tranh chấp, phương thức giải quyết tranh chấp;

m) Điều khoản khác: Các thỏa thuận khác giữa các bên.

2. Hợp đồng liên doanh, liên kết cần bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thông tin các bên: Tên, địa chỉ, số điện thoại, đại diện (nếu là tổ chức);

b) Mục tiêu hợp tác: Xác định rõ mục tiêu của việc liên doanh, liên kết;

c) Hình thức hợp tác;

d) Thông tin về tài sản đem vào liên doanh, liên kết của các Bên;

đ) Tỷ lệ vốn góp của các bên trong pháp nhân mới (đối với hình thức liên doanh, liên kết hình thành pháp nhân mới);

e) Phân chia lợi nhuận, chi phí;

g) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

h) Trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, bảo hiểm tài sản; yêu cầu kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo vệ, giữ gìn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; xử lý trong trường hợp phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng;

i) Cách thức/quy trình quản lý đối với tài sản đem vào liên doanh, liên kết, đối với pháp nhân mới (khi liên doanh, liên kết hình thành pháp nhân mới);

k) Thời gian thực hiện liên doanh, liên kết: Thời gian bắt đầu, kết thúc;

l) Điều chỉnh hợp đồng: Các trường hợp được phép điều chỉnh nội dung, giá trị của hợp đồng và việc xử lý vấn đề liên quan.

m) Xử lý tài sản khi kết thúc liên doanh, liên kết: Điều khoản quy định về việc xử lý tài sản tham gia liên doanh, liên kết và tài sản được hình thành thông qua hoạt động liên doanh, liên kết trong Hợp đồng phải đảm bảo các nguyên tắc, quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

n) Chấm dứt hợp đồng, tạm dừng hợp đồng: Ngoài chấm dứt hợp đồng theo thời hạn, quy định các trường hợp có thể dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng trước hạn, chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận, đơn phương chấm dứt hợp đồng tạm dừng hợp đồng (đối với hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới) và việc xử lý các vấn đề liên quan;

o) Xử lý trong các trường hợp bất khả kháng, trường hợp Nhà nước thu hồi đất, tài sản đem vào liên doanh, liên kết trong thời gian thực hiện hợp đồng; trường hợp phải thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

p) Xử lý vi phạm hợp đồng;

q) Giải quyết tranh chấp, phương thức giải quyết tranh chấp;

r) Các điều khoản khác: Các thỏa thuận khác giữa các bên.

Chương III

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHI SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG ĐỂ KINH DOANH, CHO THUÊ, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Điều 12. Doanh thu từ việc sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Doanh thu từ việc sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công là toàn bộ số tiền đơn vị sự nghiệp công nhận được từ việc sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 13. Chi phí liên quan đến việc sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công bao gồm các chi phí sau:

a) Chi phí hợp lý có liên quan đến việc sử dụng tài sản công vào kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết gồm:

Chi phí quản lý, vận hành tài sản trong thời gian kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết: Chi phí kinh doanh; chi phí quản lý; chi phí trực tiếp cấu thành dịch vụ (như: chi phí vật tư, vật phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, nhân công,...);

Chi phí khấu hao tài sản cố định đối với các tài sản công trực tiếp sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ hạch toán, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chi phí khấu hao tài sản cố định phải được phân bổ cho từng hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để hạch toán chi phí của từng hoạt động tương ứng;

Chi phí định giá, thẩm định giá, đấu giá tài sản;

Chi phí hợp lý khác có liên quan;

b) Chi phí trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có);

c) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

2. Dự toán chi phí, thanh toán chi phí liên quan đến việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công có tài sản kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phê duyệt.

3. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, thanh toán chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và

chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan được thực hiện theo hợp đồng ký giữa đơn vị sự nghiệp công và tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 14. Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước của đơn vị sự nghiệp công khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Đơn vị sự nghiệp công sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết có nghĩa vụ:

1. Nộp ngân sách nhà nước một khoản tiền bằng 2% doanh thu đơn vị sự nghiệp công thu được từ hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (ngoài các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định tại khoản 2 Điều này), trừ các đối tượng sau đây:

a) Đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường;

b) Đơn vị sự nghiệp công thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, đơn vị sự nghiệp công không phải nộp tiền thuê đất khi sử dụng tài sản gắn liền với đất vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công thuộc đối tượng thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện nộp tiền thuê đất cho Nhà nước.

Điều 15. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công

1. Số tiền thu được từ việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công là chênh lệch giữa doanh thu theo quy định tại Điều 12 và tổng chi phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết này, được xác định là khoản thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công và được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công.

2. Trường hợp việc sử dụng tài sản công vào kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, đơn vị

sự nghiệp công phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công, ngân sách nhà nước không cấp bù.

3. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công, được theo dõi riêng để tạo nguồn kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế tài sản được sử dụng kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Trường hợp tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động thì số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; số còn lại bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định.

Chương IV

BIỆN PHÁP BẢO VỆ, GIỮ GÌN, TU BỔ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN KHI SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀO MỤC ĐÍCH KINH DOANH, CHO THUÊ, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Điều 16. Biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ tài sản khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Tài sản công khi sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải được:

1. Quản lý, giám sát việc sử dụng, bảo vệ, giữ gìn và tu bổ.
2. Phân định rõ trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn, bảo trì, bảo dưỡng và tu bổ.
3. Thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị.
4. Định kỳ theo dõi, kiểm tra, đánh giá về tình trạng để sớm phát hiện hư hỏng, sự cố và kịp thời có biện pháp sửa chữa, xử lý.
5. Bảo vệ, giữ gìn, đảm bảo sử dụng tài sản đúng mục đích, công năng, duy trì tình trạng tốt nhất của tài sản. Không để bị lấn chiếm, sử dụng trái phép, làm hư hại tài sản; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, cầm cố, thế chấp nghĩa vụ và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.
6. Bảo trì, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, tu bổ theo quy định của pháp luật.
7. Đánh giá các rủi ro; phòng ngừa, hạn chế rủi ro thông qua bảo hiểm hoặc các công cụ khác theo quy định pháp luật.
8. Công khai tình hình sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho

thuê, liên doanh, liên kết.

9. Thực hiện các biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về kiến trúc và pháp luật khác có liên quan.

10. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát, theo dõi, đánh giá và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công quyết định việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; hiệu quả của hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; trách nhiệm giải trình đối với việc sử dụng tài sản công của đơn vị vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đề án đã được quyết định và quy định của pháp luật; đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoạt động cung cấp dịch vụ công của đơn vị. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Công khai, minh bạch hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị và việc sử dụng số tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; bảo đảm quyền của công dân, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Nghị quyết này.

4. Hợp đồng ký kết với đối tác phải phân định rõ trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà nước, không làm mất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản cho thuê, liên doanh, liên kết.

5. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản của đối tác, kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Giám sát chặt chẽ việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ tài sản (nếu có) do Bên đối tác thực hiện. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Thành phố, trước pháp luật

nếu để xảy ra vi phạm gây hủy hoại, hư hỏng, mất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản cho thuê, liên doanh, liên kết.

7. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản sử dụng kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời gian cho thuê/liên doanh, liên kết theo hợp đồng thì phối hợp với đối tác thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn và xử lý hậu quả do chấm dứt hợp đồng trước hạn theo quy định của pháp luật.

8. Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo tình hình thực hiện Đề án, việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

9. Thực hiện báo cáo, công khai việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân là đối tác của đơn vị sự nghiệp công sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân là đối tác của đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm thực hiện theo đúng Hợp đồng đã ký kết và các quy định sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng tài sản đúng mục đích, công năng của tài sản; không để bị lấn chiếm, sử dụng trái phép, làm hư hại tài sản; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, sử dụng tài sản để góp vốn, cầm cố, thế chấp nghĩa vụ và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ, giữ gìn tài sản; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng tài sản, duy trì tình trạng tốt nhất của tài sản. Kiểm tra, đánh giá định kỳ về tình trạng của tài sản, phát hiện sớm, các hư hỏng, sự cố ảnh hưởng đến tài sản. Trường hợp phát hiện sự cố ảnh hưởng đến tài sản, thông báo ngay với Bên có tài sản cho thuê/liên doanh, liên kết để thực hiện ngay các biện pháp sửa chữa, xử lý kịp thời.

Trường hợp sử dụng tài sản không đúng mục đích; không thực hiện các biện pháp bảo vệ, giữ gìn tài sản, để tài sản bị hư hại, bị lấn chiếm, sử dụng trái phép, vi phạm hợp đồng hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác, phải bàn giao lại tài sản, bồi thường nghĩa vụ theo hợp đồng và có trách nhiệm phục hồi nguyên trạng tài sản.

4. Trường hợp cần nâng cấp, cải tạo, tu bổ để nâng cao, giữ gìn giá trị sử dụng của tài sản phải được sự chấp thuận của Bên có tài sản cho thuê/liên doanh,

liên kết trước khi thực hiện. Việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ phải tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản và pháp luật khác có liên quan.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên có tài sản cho thuê/liên doanh, liên kết và cơ quan có thẩm quyền; cùng Bên có tài sản cho thuê/liên doanh, liên kết giải quyết các vướng mắc phát sinh.

6. Bàn giao lại tài sản khi kết thúc hợp đồng hoặc khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, khi Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản thuê/liên doanh, liên kết và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật; tài sản bàn giao bảo đảm điều kiện kỹ thuật vận hành bình thường, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng ký kết.

7. Định kỳ, theo quy định của Hợp đồng hoặc đột xuất theo đề nghị của Bên có tài sản cho thuê/liên doanh, liên kết, báo cáo về tình trạng của tài sản cho Bên có tài sản cho thuê/liên doanh, liên kết.

8. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Ủy ban nhân dân Thành phố trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công phải đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Thủ trưởng các Sở, cơ quan ngang Sở, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm tra nội dung Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý ngay khi nhận được Quyết định phê duyệt Đề án; trường hợp phát hiện Đề án có nội dung không đúng chính sách, chế độ, quy định pháp luật, có trách nhiệm yêu cầu đơn vị sự nghiệp công điều chỉnh lại Đề án trong thời gian chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt Đề án của đơn vị sự nghiệp công; chịu trách nhiệm trước Thành phố, trước pháp luật về việc chậm

hoặc không có văn bản yêu cầu đơn vị sự nghiệp công điều chỉnh lại Đề án trong trường hợp nêu trên;

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý; việc thực hiện các biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản khi sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

c) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện các quy định của Nghị quyết này, việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Nghị quyết này;

d) Kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, xử lý, giải quyết những vướng mắc trong việc sử dụng tài sản công để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; việc thực hiện kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoạt động cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công, có trách nhiệm yêu cầu đơn vị sự nghiệp công điều chỉnh hoặc chấm dứt việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoạt động cung cấp dịch vụ công của đơn vị;

đ) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo tình hình sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Tài chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công thuộc Thành phố;

b) Kiểm tra đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả theo quy định.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan có chức năng thanh tra thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp kết quả thanh tra theo quy định.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về nguyên tắc, điều kiện, nội dung của việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Thủ đô để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

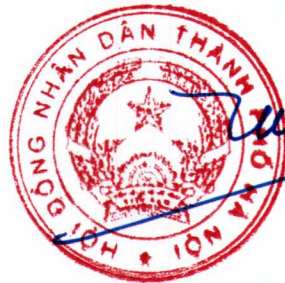
Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2024. / *sm*

Nơi nhận: *he*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Các Bộ, ngành: Tư pháp, Tài chính, LĐT&XH, NN&PTNT, Ban Dân tộc;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các vị Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Thủ đô năm 2024;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị
 - Cơ cấu tổ chức của đơn vị
 - Đối tượng phục vụ (cung cấp dịch vụ sự nghiệp công) của đơn vị
 - Các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị
- đ) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

- Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị
 - Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo các nhóm tài sản (Chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại)
 - Tài sản đang sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nếu có)

- Chung loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, thời hạn sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

- Hình thức/phương thức sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

- Kết quả của việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết của 03 năm liền trước năm xây dựng đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi; tỷ trọng doanh thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị; tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng dự toán chi hằng năm của đơn vị....).

2. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết

2.1. Phương án sử dụng tài sản công tại đơn vị:

a) Tài sản dự kiến sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

- Chung loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại; phần giá trị tài sản trực tiếp sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nguyên giá, giá trị còn lại) được xác định trên cơ sở tỷ lệ thời gian sử dụng, tần suất sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết. Riêng đối với tài sản là thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công, phần giá trị thương hiệu được sử dụng vào mục đích liên doanh, liên kết được xác định như sau:

$$TH1 = TH \times \frac{DT1}{DT1 + DT2}$$

Trong đó:

TH1: Phần giá trị thương hiệu được sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

TH: Giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công được xác định theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

DT1: Doanh thu trung bình dự kiến từ hoạt động kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

DT2: Tổng nguồn thu sự nghiệp trung bình 03 năm liền trước năm xây dựng đề án của đơn vị sự nghiệp công.

- Tỷ lệ nguyên giá tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết so với tổng nguyên giá tài sản đơn vị đang quản lý, sử dụng; phương án sử dụng đất (khi sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết...).

b) Sự cần thiết của việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nêu rõ trường hợp áp dụng theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này; khả năng đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao khi sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết,...); mục tiêu thực hiện Đề án;

c) Thời gian thực hiện kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

d) Hình thức/phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết, trong đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân mới);

đ) Phương án tài chính của việc kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

- Dự kiến tổng doanh thu: Doanh thu được ước tính trên cơ sở điều tra khảo sát, thu thập các thông tin về giá cho thuê, giá cung cấp dịch vụ và các yếu tố khác hình thành doanh thu của các khu vực có khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tương đương tại thời điểm lập Đề án.

- Dự kiến tổng chi phí: Tổng chi phí gồm các khoản:

+ Chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu có); chi phí lắp đặt, thí nghiệm, nghiệm chỉnh; chi phí vận chuyển, bảo hiểm.

+ Chi phí kinh doanh; chi phí quản lý; chi phí trực tiếp cấu thành dịch vụ (như: chi phí vật tư, vật phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, nhân công,...).

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định (chỉ xác định chi phí khấu hao đối với các tài sản công trực tiếp sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết tương ứng với phần giá trị tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết).

+ Mức nộp ngân sách nhà nước (2% doanh thu).

+ Chi phí lãi vay; thuế, phí, lệ phí.

+ Chi phí khác.

Các khoản mục chi phí phải phù hợp với định mức, đơn giá kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy định của pháp luật, trường hợp không có định mức, đơn giá kinh tế, kỹ thuật thì phải xác định trên cơ sở thực tế thị trường.

- Chênh lệch thu, chi.

Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

e) Phương án sử dụng lao động tại đơn vị sự nghiệp công khi sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết;

g) Phương án bảo đảm nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết (đối với Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết).

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

- Dự kiến chênh lệch thu chi bình quân hằng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết; so sánh với chênh lệch thu chi bình quân 03 năm trước liền kề;

- Dự kiến số tiền do ngân sách nhà nước cấp và tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng dự toán chi hằng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết; so sánh với các chỉ tiêu tương ứng trong 03 năm trước liền kề;

- Số lượng, chất lượng, mức giá dịch vụ sự nghiệp công dự kiến.

3. Việc đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này.

4. Điều kiện của đối tác tham gia liên doanh, liên kết (Mục này được áp dụng khi lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết);

5. Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời gian liên doanh, liên kết hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn (Mục này được áp dụng khi lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết. Các nội dung cần đưa vào Hợp đồng liên doanh, liên kết với đối tác).

6. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan liên quan;

7. Thời hạn thực hiện Đề án.

8. Thời gian Đề án có hiệu lực.

9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)